

Số: 708/BC-KH

Quận 4, ngày 30 tháng 7 năm 2024

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Năm 2024

(Theo Thông tư số 09 ngày 03/6/2024 của Bộ GD&ĐT về công khai)

I. THÔNG TIN CHUNG (theo Điều 4 của Thông tư)

1. Tên cơ sở giáo dục:

- Tên trường: Trường Trung học cơ sở Khánh Hội.
- Tên trước đây: Trường Trung học cơ sở Khánh Hội A.

2. Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của cơ sở giáo dục, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục:

- Trường có 01 cơ sở chính tọa lạc tại địa chỉ số A75, đường Nguyễn Thần Hiến, Phường 18, Quận 4.
- Điện thoại: (028) 39 404 798
- Website: <https://thcskhanhhoi.hcm.edu.vn>

3. Loại hình của cơ sở giáo dục, cơ quan/ tổ chức quản lý trực tiếp hoặc chủ sở hữu; tên nhà đầu tư thành lập cơ sở giáo dục, thuộc quốc gia/ vùng lãnh thổ (đối với cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài); danh sách tổ chức và cá nhân góp vốn đầu tư (nếu có).

- Loại hình: Công lập.
- Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân Quận 4.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục:

a. Tầm nhìn:

- Xây dựng nhà trường ngày một **“Văn minh - Kỷ cương - Sáng tạo”** theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, dân chủ hóa, hội nhập quốc tế, làm cho học sinh thích học, thích đi học, mỗi ngày đến trường là một ngày vui; tiếp tục đổi mới mạnh mẽ theo hướng coi trọng phát triển phẩm chất, năng lực của người học, chú trọng giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, ý thức, trách nhiệm công dân của học sinh đối với cộng đồng, xã hội, gắn giáo dục tri thức, đạo đức với giáo dục truyền thống văn hóa, giáo dục thể chất.

- Giáo dục học sinh trở thành những công dân tốt, sống có trách nhiệm, biết yêu thương, chia sẻ, khát vọng vươn lên, hòa nhập tốt trong cộng đồng.

- Giữ vững các tiêu chí trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục.

b. *Sứ mệnh:*

- Xây dựng môi trường chuẩn mực, thân thiện, kỉ luật, chất lượng và có uy tín. Tạo cơ hội cho học sinh phát triển toàn diện về phẩm chất, năng lực. Là nơi để cha mẹ học sinh tin tưởng, lựa chọn.

c. *Hệ thống giá trị cơ bản:*

- Đoàn kết - Trách nhiệm.

- Thân thiện - Kỉ luật.

- Năng động - Sáng tạo

- Khát vọng - Vươn lên.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển:

- Ngày 18 tháng 5 năm 2009, Trường THCS Khánh Hội A khởi công xây dựng lại mới, ngày 04/9/2010, Trường THCS Khánh Hội A khánh thành.

- Sau đó, trường được chính thức đổi tên mới thành Trường THCS Khánh Hội theo Quyết định số 714/QĐ-UBND ngày 26/6/2019 của Ủy ban nhân dân Quận 4.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ:

- Họ và tên: LÊ TRƯỜNG CHINH

- Chức vụ: Bí thư chi bộ, Hiệu trưởng nhà trường.

- Địa chỉ nơi làm việc: A75 đường Nguyễn Thần Hiến, Phường 18, Quận 4.

- Số điện thoại: 0908 322 416

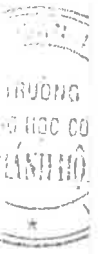
- Địa chỉ thư điện tử: c2khaq4.tphcm@moet.edu.vn

7. Tổ chức bộ máy:

a) *Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của cơ sở giáo dục (nếu có);*

- Quyết định số 714/QĐ-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban nhân dân Quận 4 về việc đổi tên Trường Trung học cơ sở Khánh Hội A thành Trường Trung học cơ sở Khánh Hội;

b) *Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường;*



- Hội đồng trường nhiệm kỳ 2021 - 2026 được thành lập theo Quyết định số 280/QĐ-GDDT-TC ngày 03/04/2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 4. Hội đồng có 11 thành viên, gồm:

- Chủ tịch Hội đồng trường:

1/. Ông Lê Trường Chinh+ - Hiệu trưởng;

- Các thành viên:

2/. Bà Nguyễn Xuân Yến- Chủ tịch Công đoàn;

3/. Bà Hồ Như Thủy - Bí thư chi Đoàn;

4/. Bà Nguyễn Thị Hương - Tổ trưởng tổ Ngữ văn

5/. Ông Nguyễn Thành Năng - Tổ trưởng tổ Toán

6/. Ông Đỗ Kim Hòa - Tổ trưởng tổ Anh văn;

7/. Bà Nguyễn Phương Hoàng Huyền - Tổ trưởng tổ KHTN

8/. Bà Trần Thị Ngọc Thi - Tổ trưởng tổ Lịch sử-Địa lý-GDCD

9/. Bà Nguyễn Thị Hải Yến - Tổ trưởng Tổ CN-Tin-Nghệ thuật-TD

10/. Bà Lý Thị Ngọc Huỳnh - Tổ trưởng tổ Hành chính

11/. Bà Phan Ngọc Sương – Trưởng BDD CMHS nhà trường

12./ Ông Lê Thiên Long – Phó Chủ tịch UBND Phường 18

13/. Em Nguyễn Ngọc Bảo Vy – học sinh lớp 9A2

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giám đốc, phó giám đốc hoặc thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ sở giáo dục;

- Quyết định số 1137/QĐ-UBND-NC ngày 26/09/2023 của Ủy ban nhân dân Quận 4 Quyết định bổ nhiệm lại CBQL giáo dục năm 2023, công nhận Hiệu trưởng Trường Trung học cơ sở Khánh Hội đối với Ông Lê Trường Chinh.

- Quyết định số 891/QĐ-UBND-NC ngày 21/06/2023 của Ủy ban nhân dân Quận 4 về việc bổ nhiệm CBQL giáo dục năm 2023, công nhận Phó Hiệu trưởng Trường Trung học cơ sở Khánh Hội đối với Bà Võ Thị Diệu Hạnh.

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục;

- Nhà trường đã ban hành Quyết định số 46/QĐ-KH ngày 06/9/2023 của Trường Trung học cơ sở Khánh Hội về Quyết định ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường.

đ) Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có):

- Không có.

e) *Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo cơ sở giáo dục và lãnh đạo các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên của cơ sở giáo dục (nếu có).*

- Họ và tên: LÊ TRƯỜNG CHINH
- Chức vụ: Bí thư chi bộ, hiệu trưởng nhà trường.
- Điện thoại di động: 0908 322 416
- Địa chỉ thư điện tử: c2khaq4.tphcm@moet.edu.vn
- Địa chỉ nơi làm việc: A75 Nguyễn Thần Hiến, Phường 18, Quận 4.

8. Các văn bản khác của nhà trường:

- Chiến lược phát triển giáo dục của nhà trường;

- Quy chế thực hiện dân chủ ở cơ sở của nhà trường (*thực hiện theo Luật số 10/2022/QH15 ngày 10 tháng 11 năm 2022 của Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về thực hiện dân chủ ở cơ sở*).

- Các Nghị quyết trong năm của hội đồng trường;

- Các quy chế, quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục,... gồm:

- + Quy chế công khai tài chính;
- + Quy chế chi tiêu nội bộ;
- + Quy chế quản lý, sử dụng các khoản vận động tài trợ;
- + Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công;
- + Quy chế thi đua, khen thưởng;
- + Quy chế đánh giá viên chức;
- + Quy chế tổ chức đối thoại giữa lãnh đạo và người lao động;
- + Quy chế tiếp công dân;
- + Quy chế xét nâng lương trước thời hạn;
- + Quy chế sử dụng sổ điểm điện tử;
- + Quy tắc ứng xử;
- + Quy định về Chuẩn mực đạo đức nhà giáo.
- Kế hoạch giáo dục nhà trường;
- Kế hoạch tuyển dụng viên chức;
- Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng;
- Các kế hoạch, các nội quy, quy định khác của nhà trường,...

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN (theo quy định tại khoản 1 Điều 6, khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 10 của Thông tư)

1. Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo:

a) Giáo viên.

TT	Tổ bộ môn	Giáo viên		Đăng viên	Số giáo viên					
					Biên chế	Hợp đồng	Trình độ chuyên môn			
		Tổng	Nữ				>ĐH	ĐH	CĐ	Khác
1	Toán	07	03	04	07		02	04	01	
2	Văn	06	05	01	06		01	05		
3	Ngoại ngữ	07	04	02	07		01	06		
4	KHTN - Lý	03	02	02	03			03		
5	KHTN - Hóa	02	02		02			02		
6	KHTN - Sinh	01	01	01	01			01		
7	LS – ĐL (LS)	02	02		02			02		
8	LS – ĐL (ĐL)	02	02		02			02		
9	GDCD	02	02		02			02		
10	GDTC	04	01	01	04			04		
11	NT (Nhạc)	02	01	01	02		01	01		
12	NT (Mỹ thuật)	01	00	01	01			01		
13	Công nghệ	02	02	01	02			02		
14	Tin học	02	02	01	02			02		
Tổng số		43	29	15	43		05	37	01	

Có 6 tổ bộ môn

Số TT	TỔ	SỐ LƯỢNG	TỔ TRƯỞNG
1	Ngữ văn	06	Nguyễn Thị Hương
2	Toán	07	Nguyễn Thành Năng
3	Tiếng Anh	07	Đỗ Kim Hòa
4	Khoa học tự nhiên	06	Nguyễn Phương Hoàng Huyền
5	LS - ĐL - GDCD	06	Trần Thị Ngọc Thi
6	Công nghệ - GDTC – NT – Tin học	11	Nguyễn Thị Hải Yến

b) Cán bộ - Nhân viên.

TT	Bộ phận	Số lượng	Số nhân viên
----	---------	----------	--------------

				Đảng viên	Biên chế (cơ hữu)	Hợp đồng	Trình độ			
		Tổng	Nữ				>ĐH	ĐH	CĐ	Khác
1	Lãnh đạo (BGH)	02	01	02	02		01	01		
2	TLTN (TPT)	01	01		01			01		
3	Kế toán	01	01		01			01		
4	Thủ quỹ									
5	Thư viện	01	01		01			01		
6	TB-THTN									
7	VP (HV-GV)	01	01		01					01
8	Y tế	01	01	01	01					01
9	Bảo vệ	04			02	02				04
10	Phục vụ	04	04		02	02				04
Tổng số		15	10	03	11	04	01	04		10

2. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp:

- Cán bộ quản lý:

+ Xếp loại tốt : 02/02 - Tỷ lệ: 100%.

- Giáo viên:

+ Xếp loại tốt : 38/43 - Tỷ lệ: 88,37%.

+ Xếp loại khá : 05/43 - Tỷ lệ: 11,63%.

3. Số lượng, tỷ lệ giáo viên cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định.

a. Về công tác bồi dưỡng Module cho giáo viên, cán bộ quản lý

Module	GIÁO VIÊN			CBQL		
	Tổng số	Đạt (SL-TL)	Chưa đạt (SL-TL)	Tổng số	Đạt (SL-TL)	Chưa đạt (SL-TL)
Module 1	43	43 - 100%	0	02	02 - 100%	0
Module 2	43	43 - 100%	0	02	02 - 100%	0
Module 3	43	43 - 100%	0	02	02 - 100%	0
Module 4	43	43 - 100%	0	02	02 - 100%	0

Module 5	43	43 - 100%	0	02	02 - 100%	0
Module 6	43	43 - 100%	0	02	02 - 100%	0
Module 7	43	43 - 100%	0	02	02 - 100%	0
Module 8	43	43 - 100%	0	02	02 - 100%	0
Module 9	43	43 - 100%	0	02	02 - 100%	0

b. Về công tác bồi dưỡng sử dụng sách giáo khoa theo CTGDPT 2018:

- Tất cả giáo viên được phân công dạy lớp 6, 7, 8, 9 đều đã được nhà trường cử tham gia tập huấn chương trình và sách giáo khoa.

c. Về công tác bồi dưỡng chính trị hè:

- 100% cán bộ, giáo viên đều tham gia bồi dưỡng chính trị hè do quận tổ chức.

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT (theo quy định tại khoản 2 Điều 6, khoản 2 Điều 8, khoản 2 Điều 10 của Thông tư)

1. Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

- Trường có 01 cơ sở chính với diện tích khuôn viên đất là 3.119,8 m² với 1 tầng trệt - 03 lầu và 01 tầng hầm.

- Diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh: 4,0 m²/hs (so với yêu cầu tối thiểu theo quy định là 6 m²/hs).

2. Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định:

- Trường có đầy đủ các phòng học, phòng bộ môn, khối phòng hỗ trợ học tập, phòng hành chính quản trị, khối phụ trợ đảm bảo thực hiện hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

- Tỷ lệ phòng học/lớp: 27 phòng/20 lớp - Tỷ lệ: 1.35. Cụ thể:

Nội dung (Theo Thông tư 13 - Tiêu chuẩn về CSVC)		Số lượng	Diện tích
Khối phòng hành chính quản trị	1. Phòng Hiệu trưởng	01	48 m ²
	2. Phòng Phó hiệu trưởng	01	48 m ²
	3. Phòng Hành chánh	01	48 m ²
	4. Phòng tiếp công dân (PHHS)	01	36 m ²
	5. Phòng Bảo vệ	01	8 m ²
	6. Khu vệ sinh CB-GV-NV	01	36 m ²
	7. Khu vực để xe CB-GV-NV	01	120 m ²

Khối phòng học tập	1. Phòng <i>học</i>	27	1140 m ²
	2. Phòng học bộ môn <i>STEM</i>	02	138 m ²
	3. Phòng học bộ môn <i>Âm nhạc</i>	01	48 m ²
	4. Phòng học bộ môn <i>Mĩ thuật</i>	01	48m ²
	5. Phòng học bộ môn <i>tiếng Anh</i>	02	144 m ²
	6. Phòng học bộ môn <i>Tin học</i>	02	144 m ²
	7. Phòng <i>đa chức năng</i>	01	120 m ²
Khối phòng hỗ trợ học tập	1. Phòng Thư viện	01	120 m ²
	2. Phòng Thiết bị	01	24 m ²
	3. Phòng bộ môn Vật lý	01	72 m ²
	4. Phòng bộ môn Hóa học	01	72 m ²
	5. Phòng bộ môn Sinh học	01	72 m ²
	6. Phòng bộ môn Công nghệ	01	72 m ²
	7. Phòng tư vấn học đường và hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập	01	Nằm trong phòng Y tế
	8. Phòng truyền thống – Đoàn Đội	01	48 m ²
Khối phụ trợ	1. Phòng họp (phòng Giáo viên)	01	60 m ²
	2. Phòng Y tế	01	32 m ²
	3. Nhà kho	03	10 m ²
	4. Khu để xe học sinh	01	Nằm trong khu để xe CB-GV-NV
	5. Khu vệ sinh học sinh nam, nữ	07	15 m ²
	6. Cổng, hàng rào theo quy định	02	15 m
Khu sân chơi, thể dục thể thao	Sân tập thể dục thể thao có diện tích rộng lớn, bố trí riêng cho từng môn	01	679 m ²
Khối phục vụ sinh hoạt	Không có (do trường không tổ chức nấu ăn và tổ chức nội trú)	00	
Hạ tầng kĩ thuật	Hệ thống điện - nước, phòng cháy - chữa cháy, hạ tầng công nghệ thông tin, liên lạc, điện thoại kết nối mạng internet; khu tập kết thu gom rác thải,...	01	

3. Số thiết bị dạy học hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

- Các lớp học được trang trí đúng quy định, được trang bị đầy đủ bàn ghế 01 chỗ và 02

chỗ, đèn, quạt, bàn đồ đúng tiêu chuẩn, 01 bộ bàn ghế giáo viên, bảng từ chống lóa, hệ thống loa, 01 bản tin lớp dành cho giáo viên chủ nhiệm, thiết bị hỗ trợ tốt cho giáo viên trong quá trình giảng dạy được đưa về lớp cho giáo viên quản lý và sử dụng.

- Trường hiện có 100% các lớp được trang bị hệ thống máy chiếu, tivi cho lớp học có kết nối mạng.

- Trường có các phòng chức năng đầy đủ theo quy định, 02 phòng học tiếng Anh, 02 phòng STEM để hỗ trợ hoạt động giảng dạy và các hoạt động giáo dục khác.

- 100% học sinh đều có đầy đủ sách giáo khoa, sách tiếng Anh và dụng cụ học tập cần thiết.

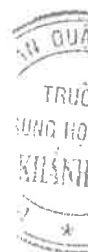
4. Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ GD&ĐT:

⬇ Khối 9:

STT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Ghi chú
1	Ngữ văn 9, Tập 1 Chân trời sáng tạo	Nguyễn Thị Hồng Nam, Nguyễn Thành Thi (đồng Chủ biên), Nguyễn Thành Ngọc Bảo, Trần Lê Duy, Dương Thị Hồng Hiếu, Tăng Thị Tuyết Mai, Nguyễn Thị Ngọc Thúy, Phan Thu Vân.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
	Ngữ văn 9, Tập 2 Chân trời sáng tạo	Nguyễn Thị Hồng Nam, Nguyễn Thành Thi (đồng Chủ biên), Nguyễn Thành Ngọc Bảo, Trần Lê Duy, Phan Mạnh Hùng, Tăng Thị Tuyết Mai, Nguyễn Thị Minh Ngọc, Nguyễn Thị Ngọc Thúy, Phan Thu Vân.		
2	Toán 9, Tập 1 Chân trời sáng tạo	Trần Nam Dũng (Tổng Chủ biên), Trần Đức Huyền, Nguyễn Thành Anh (đồng Chủ biên), Nguyễn Văn Hiến, Ngô Hoàng Long, Huỳnh Ngọc Thanh, Nguyễn Đặng Trí Tín.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	

	Toán 9, Tập 2 Chân trời sáng tạo	Trần Nam Dũng (Tổng Chủ biên), Trần Đức Huyền, Nguyễn Thành Anh (đồng Chủ biên), Nguyễn Văn Hiến, Ngô Hoàng Long, Huỳnh Ngọc Thanh, Nguyễn Đặng Trí Tín.		
3	Tiếng Anh 9 i-Learn Smart World	Võ Đại Phúc (Tổng Chủ biên), Nguyễn Dương Hoài Thương (Chủ biên), Nguyễn Thị Ngọc Quyên, Lê Huỳnh Phương Dung.	Công ty TNHH Education Solutions Việt Nam	
4	Khoa học tự nhiên 9 Chân trời sáng tạo	Cao Cự Giác (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Đức Hiệp, Tống Xuân Tám (đồng Chủ biên), Nguyễn Công Chung, Trần Hoàng Dương, Phạm Thị Hương, Trần Hoàng Nghiêm, Lê Cao Phan, Hoàng Vĩnh Phú, Nguyễn Tấn Trung.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
5	Lịch sử và Địa lí 9 Chân trời sáng tạo	Hà Bích Liên, Hồ Thanh Tâm (đồng Chủ biên phần Lịch sử), Lê Phụng Hoàng, Nhữ Thị Phương Lan, Nguyễn Trà My, Trần Viết Ngạc, Nguyễn Văn Phụng, Nguyễn Kim Tường Vy; Nguyễn Kim Hồng (Tổng Chủ biên phần Địa lí), Huỳnh Phẩm Dũng Phát (Chủ biên phần Địa lí), Trần Ngọc Điệp, Nguyễn Hà Quỳnh Giao, Tạ Đức Hiếu, Hoàng Thị Kiều Oanh, Trần Quốc Việt.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
6	Giáo dục Công dân 9 Chân trời sáng tạo	Huỳnh Văn Sơn (Tổng Chủ biên) Bùi Hồng Quân (Chủ biên), Đào Lê Hòa An, Trần Tuấn Anh,	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	

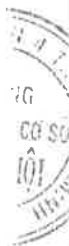
		Nguyễn Thanh Huân, Đỗ Công Nam, Cao Thành Tấn.		
7	Âm nhạc 9 Chân trời sáng tạo	Hồ Ngọc Khải, Nguyễn Thị Tố Mai (đồng Tổng Chủ biên), Nguyễn Văn Hảo (Chủ biên), Lương Diệu Ánh, Nguyễn Thị Ái Chiêu, Trần Đức Lâm, Lương Minh Tân.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
8	Mỹ thuật 9 Chân trời sáng tạo bản 1	Nguyễn Thị Nhung (Tổng Chủ biên), Nguyễn Tuấn Cường (Chủ biên), Nguyễn Dương Hải Đăng, Đỗ Thị Kiều Hạnh, Nguyễn Đức Sơn, Đàm Thị Hải Uyên, Trần Thị Vân.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
9	Tin học 9 Cánh Diều	Hồ Sĩ Đàm (Tổng Chủ biên), Hồ Cẩm Hà (Chủ biên), Nguyễn Đình Hoá, Phạm Thị Lan, Phạm Thị Anh Lê, Nguyễn Thế Lộc, Nguyễn Chí Trung.	Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nam (VEPIC) (Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học Sư phạm)	
10	Công nghệ 9 - Định hướng nghề nghiệp Chân trời sáng tạo	Bùi Văn Hồng (Tổng Chủ biên); Nguyễn Thị Cẩm Vân (Chủ biên); Nguyễn Thị Luồng, Phan Nguyễn Trúc Phương, Đào Văn Phụng, Nguyễn Phước Sơn, Nguyễn Thị Thúy.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	



	Công nghệ 9 - Mô đun Lắp đặt mạng điện trong nhà Chân trời sáng tạo	Bùi Văn Hồng (Tổng Chủ biên); Nguyễn Thị Cẩm Vân (Chủ biên); Nguyễn Thị Lương, Phan Nguyễn Trúc Phương, Đào Văn Phương, Nguyễn Phước Sơn, Nguyễn Thị Thúy.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
11	Giáo dục thể chất 9 Chân trời sáng tạo	Trịnh Hữu Lộc (Tổng Chủ biên), Luu Trí Dũng (Chủ biên), Lê Minh Chí, Nguyễn Trung Kiên, Nguyễn Thiên Lý, Lê Phước Thật, Nguyễn Thị Thủy Trâm, Phạm Thái Vinh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
12	Hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp 9 Chân trời sáng tạo bản 1	Đinh Thị Kim Thoa (Tổng chủ biên), Nguyễn Hồng Kiên (Chủ biên), Nguyễn Thị Bích Liên, Lại Thị Yến Ngọc, Trần Thị Quỳnh Trang, Phạm Đình Văn.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	

Khối 8:

STT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Ghi chú
1	Ngữ văn 8, tập một (Chân trời sáng tạo)	Nguyễn Thị Hồng Nam, Nguyễn Thành Thi (đồng Chủ biên), Nguyễn Thành Ngọc Bảo, Trần Lê Duy, Phan Mạnh Hùng, Tăng Thị Tuyết Mai, Nguyễn Thị Ngọc Thúy.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
	Ngữ văn 8, tập hai (Chân trời sáng tạo)	Nguyễn Thị Hồng Nam, Nguyễn Thành Thi (đồng Chủ biên), Nguyễn Thành Ngọc Bảo, Dương Thị Hồng Hiếu, Tăng Thị Tuyết Mai, Nguyễn Thị Minh Ngọc, Nguyễn Thị Ngọc Thúy, Phan Thu Vân.		
2	Toán 8, tập một (Chân trời sáng tạo)	Trần Nam Dũng (Tổng Chủ biên), Trần Đức Huyền, Nguyễn Thành Anh (đồng Chủ biên), Nguyễn Cam, Nguyễn Văn Hiến, Ngô Hoàng Long, Huỳnh Ngọc Thanh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
	Toán 8, tập hai (Chân trời sáng tạo)	Trần Nam Dũng (Tổng Chủ biên), Trần Đức Huyền, Nguyễn Thành Anh (đồng Chủ biên), Nguyễn Cam,		



		Nguyễn Văn Hiền, Ngô Hoàng Long, Huỳnh Ngọc Thanh.		
3	Tiếng Anh 8 i-Learn Smart World	Võ Đại Phúc (Tổng Chủ biên), Huỳnh Tuyết Mai (Chủ biên), Nguyễn Thị Ngọc Quyên, Đặng Đỗ Thiên Thanh, Lê Thị Tuyết Minh, Nguyễn Dương Hoài Thương.	Nhà xuất bản ĐHSP Thành phố Hồ Chí Minh	
4	Khoa học tự nhiên 8 (Cánh diều)	Mai Sỹ Tuấn (Tổng Chủ biên), Đinh Quang Báo, Nguyễn Văn Khánh, Đặng Thị Oanh (đồng Chủ biên), Nguyễn Thị Hồng Hạnh, Đỗ Thị Quỳnh Mai, Lê Thị Phụng, Phạm Xuân Quế, Dương Xuân Quý, Đào Văn Toàn, Trương Anh Tuấn, Lê Thị Tuyết, Ngô Văn Vụ.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm	
5	Lịch sử và Địa lí 8 (Chân trời sáng tạo)	Nguyễn Kim Hồng (Tổng Chủ biên phần Địa lí), Phan Văn Phú (Chủ biên phần Địa lí), Trần Ngọc Diệp, Tạ Đức Hiếu, Hoàng Thị Kiều Oanh, Huỳnh Phẩm Dũng Phát, Phạm Đỗ Văn Trung; Hà Bích Liên (Chủ biên phần Lịch sử), Lê Phụng Hoàng, Nhữ Thị Phương Lan, Trần Việt Ngạc, Trần Văn Nhân, Nguyễn Văn Phụng, Hồ Thanh Tâm.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
6	Giáo dục công dân 8 (Chân trời sáng tạo)	Huỳnh Văn Sơn (Tổng Chủ biên), Bùi Hồng Quân (Chủ biên), Đào Lê Hòa An, Trần Tuấn Anh, Nguyễn Thanh Huân, Đỗ Công Nam, Cao Thành Tấn.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
7	Âm nhạc 8 (Chân trời sáng tạo)	Hồ Ngọc Khải, Nguyễn Thị Tố Mai (đồng Tổng Chủ biên), Nguyễn Văn Hảo (Chủ biên), Lương Diệu Ánh, Nguyễn Thị Ái Chiêu, Trần Đức Lâm, Lương Minh Tân.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
8	Mĩ thuật 8 (Chân trời sáng tạo bản 1)	Nguyễn Thị Nhung (Tổng Chủ biên), Nguyễn Tuấn Cường (Chủ biên), Nguyễn Dương Hải Đăng, Đỗ Thị Kiều Hạnh, Nguyễn Đức Sơn, Đàm Thị Hải Uyên, Trần Thị Vân.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
9	Tin học 8 (Cánh diều)	Hồ Sĩ Đàm (Tổng Chủ biên), Hồ Cẩm Hà (Chủ biên), Phạm Đăng Hải, Nguyễn Đình Hóa, Nguyễn Nguyên Hương, Nguyễn Thanh Tùng.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm	

10	Công nghệ 8 (Chân trời sáng tạo)	Bùi Văn Hồng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Cẩm Vân (Chủ biên), Nguyễn Thị Lương, Nguyễn Thị Thúy, Trương Minh Trí, Phạm Huy Tuấn.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
11	Giáo dục thể chất 8 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Hồ Đắc Sơn (Chủ biên), Vũ Tuấn Anh, Nguyễn Xuân Đoàn, Nguyễn Thị Hà, Lê Trường Sơn Chấn Hải, Trần Mạnh Hùng; Nguyễn Thành Trung.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
12	Hoạt động Trải nghiệm, hướng nghiệp 8 (Chân trời sáng tạo 1)	Đinh Thị Kim Thoa (Tổng Chủ biên), Lại Thị Yến Ngọc (Chủ biên), Nguyễn Hồng Kiên, Nguyễn Thị Bích Liên, Trần Thị Quỳnh Trang, Phạm Đình Văn.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	

✦ **Khối 7:**

STT	Tên sách	Nhà xuất bản	Tên bộ sách
1	Toán 7 (Tập 1; 2)	NXB Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo
2	Ngữ Văn 7 (Tập 1; 2)	NXB Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo
3	Tiếng Anh 7 (i learn smart world)	NXB ĐHSP TPHCM	Chân trời sáng tạo
4	Giáo dục công dân 7	NXB Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo
5	Lịch sử và Địa lý 7	NXB Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo
6	Khoa học tự nhiên 7	NXB Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo
7	Giáo dục thể chất 7	NXB Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo
8	Nghệ thuật (Âm nhạc 7)	NXB Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo
9	Nghệ thuật (Mĩ thuật 7)	NXB Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo
10	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 7	NXB Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo
11	Công nghệ 7	NXB Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo
12	Tin học 7	NXB ĐHSP TPHCM	Cánh Diều

✦ **Khối 6:**

STT	Tên sách	Nhà xuất bản	Tên bộ sách
1	Toán 6 (Tập 1; 2)	NXB Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo
2	Ngữ Văn 6 (Tập 1; 2)	NXB Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo
3	Tiếng Anh 6 (i learn smart world)	NXB ĐHSP TPHCM	Chân trời sáng tạo
4	Giáo dục công dân 6	NXB Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo
5	Lịch sử và Địa lý 6	NXB Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo
6	Khoa học tự nhiên 6	NXB Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo
7	Giáo dục thể chất 6	NXB Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo
8	Nghệ thuật (Âm nhạc 6)	NXB Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo
9	Nghệ thuật (Mĩ thuật 6)	NXB Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo
10	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 6	NXB Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo
11	Công nghệ 6	NXB Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo
12	Tin học 6	NXB ĐHSP TPHCM	Cánh Diều

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC (theo quy định tại khoản 3 Điều 6, khoản 3 Điều 8, khoản 3 Điều 10 của Thông tư)

1. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá:

Căn cứ vào kết quả kiểm định chất lượng giáo dục và kiến nghị của đoàn đánh giá ngoài vào năm 2019, nhà trường đã xây dựng Kế hoạch số 142/KH-ĐBL ngày 18 tháng 8 năm 2022 về thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục năm học 2024 - 2025 cụ thể như sau:

***Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường**

- Hiệu trưởng phối hợp cùng các đoàn thể tổ chức, phân công các bộ phận rà soát theo định kì việc thực hiện phương hướng chiến lược; rút ra những việc đã làm được và những việc chưa làm được để bổ sung và điều chỉnh, nhằm thực hiện có hiệu quả các mục tiêu đã đề ra trong chiến lược, chú trọng phát huy vai trò của Ban Thanh tra nhân dân.

- Chủ tịch hội đồng trường xây dựng kế hoạch bồi dưỡng, cập nhật các văn bản mới của cấp trên cho các thành viên trong hội đồng nhằm phát huy tính sáng tạo của từng thành viên trong các cuộc họp. Phổ biến, hướng dẫn vai trò, nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên mới được giao nhiệm vụ.

- Bí thư chi bộ tiếp tục tăng cường công tác tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ, giáo viên, nhân viên về vị trí, vai trò của mình trong công tác xây dựng Đảng. Phối hợp với các tổ chức đoàn thể thực hiện tốt công tác nguồn, có kế hoạch bồi dưỡng, theo dõi, giúp đỡ và phấn đấu hàng năm phát triển 01 đảng viên nhằm nâng cao chất lượng hoạt động của chi bộ.

- Từ tháng 6/2019, nhà trường tăng cường phối hợp với địa phương tham gia đầy đủ các hoạt động cộng đồng do Phường 15, Quận 4 tổ chức.

- Hiệu trưởng có kế hoạch tham mưu với lãnh đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 4 về công tác tuyển sinh lớp 1, phân bố học sinh trong các lớp đều nhau nhằm đảm bảo số học sinh trong mỗi lớp theo đúng quy định của Điều lệ Trường tiểu học.

- Hiệu trưởng chỉ đạo văn thư, kế toán thực hiện báo cáo đúng thời gian quy định nhằm tránh ảnh hưởng đến hiệu quả công việc chung. Tiếp tục thực hiện tốt công tác quản lý tài chính, tài sản đúng mục đích để phục vụ các hoạt động giáo dục. Đồng thời chỉ đạo kế toán xây dựng kế hoạch trung hạn 03 năm, dài hạn 05 năm để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường.

- Cán bộ quản lý, Ban chấp hành Công đoàn, đảng viên cùng các tổ trưởng tăng cường công tác vận động, tuyên truyền để giúp giáo viên, nhân viên tự tin hơn trong việc góp ý xây dựng kế hoạch hoạt động của nhà trường.

****Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh***

- Cán bộ quản lý nhà trường phát huy vai trò trách nhiệm cao và gương mẫu trong thực hiện nhiệm vụ, tạo uy tín và lòng tin trong tập thể nhà trường.

- Hiệu trưởng khuyến khích và tạo điều kiện về thời gian để nhân viên văn thư và thư viện theo học các lớp nâng cao kỹ năng nghiệp vụ.

****Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học.***

- Cán bộ quản lý xây dựng kế hoạch bố trí sân bãi phù hợp điều kiện thực tế của trường để khai thác tối đa diện tích sân trường phục vụ cho hoạt động luyện tập thể thao. Hiệu trưởng chỉ đạo giáo viên dạy thể dục sử dụng hiệu quả các thiết bị dạy học nhằm phát triển thể lực tốt cho học sinh.

- Nhà trường lập dự toán kinh phí, sửa chữa, thay mới, sơn, sửa một số phòng học, bàn ghế học sinh. Hiệu trưởng tiếp tục tham mưu với lãnh đạo các cấp giảm bớt số lượng học sinh đầu vào để giảm số lượng lớp.

- Hiệu trưởng tham mưu với lãnh đạo Quận xin tăng thêm biên chế, tuyển dụng giáo viên dạy Âm nhạc, Mĩ thuật và xin đổi điểm trường rộng hơn để xây dựng các phòng chức năng theo quy định Điều lệ Trường tiểu học.

- Hiệu trưởng chỉ đạo nhân viên y tế liên hệ với trạm y tế phường 15 để thực hiện việc ký kết hợp đồng thu gom rác y tế theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ y tế.

- Hiệu trưởng chỉ đạo nhân viên thư viện - thiết bị phối hợp với giáo viên kiểm kê các thiết bị và đồ dùng dạy học để kịp thời bổ sung những thiết bị hư, thiếu, đồng thời đề xuất thanh lý các thiết bị không còn sử dụng.

- Nhà trường tiếp tục bổ sung sách, báo, truyện, tạp chí và các đồ dùng phong phú phục vụ cho hoạt động thư viện. Hiệu trưởng chỉ đạo cho nhân viên phụ trách thư viện thực hiện chuyên đề về văn hóa đọc nâng cao chất lượng các hoạt động của thư viện.

****Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội***

- Hiệu trưởng và giáo viên chủ nhiệm các lớp phối hợp và hỗ trợ Ban đại diện cha mẹ học sinh các lớp tham gia tốt việc tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh để phối hợp cùng gia đình giáo dục học sinh tốt hơn.

****Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục***

- Hiệu trưởng phân công Tổng phụ trách đưa các thông tin hoạt động giáo dục của nhà trường qua bảng niêm yết trước cổng trường và trên trang web điện tử của trường cho cộng đồng dân cư trong địa bàn phường biết.

- Hiệu trưởng tăng cường chỉ đạo giáo viên tích cực vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực nhằm phát huy tối đa tính tích cực, chủ động với từng đối tượng học sinh; tạo điều kiện thuận lợi để giáo viên tham gia các hoạt động bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; tăng cường dự giờ, thăm lớp để giúp giáo viên mạnh dạn đổi mới trong hoạt động chuyên môn thông qua các buổi chuyên đề, thao giảng, các lớp bồi dưỡng, học tập của ngành.

2. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm:

a. Về kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục:

+ Nhà trường đã hoàn thành công tác Kiểm định chất lượng giáo dục và được Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo TP.HCM cấp giấy Chứng nhận trường đạt Kiểm định chất lượng

giáo dục - Cấp độ 1 (theo Quyết định số 1368-47/QĐ-GDDT-KTKĐCLGD ngày 15 tháng 7 năm 2020).

+ Giấy chứng nhận có giá trị 05 năm kể từ ngày 15/7/2020.

b. Về kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm:

****Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường***

+ Hiệu trưởng đã phối hợp cùng các đoàn thể tổ chức, phân công các bộ phận rà soát theo định kì việc thực hiện phương hướng chiến lược; rút ra những việc đã làm được và những việc chưa làm được để bổ sung và điều chỉnh, nhằm thực hiện có hiệu quả các mục tiêu đã đề ra trong chiến lược, chú trọng phát huy vai trò của Ban Thanh tra nhân dân.

+ Chủ tịch hội đồng trường đã xây dựng kế hoạch bồi dưỡng, cập nhật các văn bản mới của cấp trên cho các thành viên trong hội đồng qua các nhóm Zalo hoặc phổ biến trực tiếp thông qua các buổi họp hội đồng giao ban, chuyên đề,... nhằm phát huy tính sáng tạo của từng thành viên trong các cuộc họp. Phổ biến, hướng dẫn vai trò, nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên mới được giao nhiệm vụ.

+ Bí thư chi bộ tăng cường công tác tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ, giáo viên, nhân viên về vị trí, vai trò của mình trong công tác xây dựng Đảng qua việc vận động và triển khai toàn trường tham gia các hội thi do các ban ngành Đảng, đoàn thể tổ chức và đạt nhiều thành tích cao. Phối hợp với các tổ chức đoàn thể thực hiện tốt công tác nguồn, có kế hoạch bồi dưỡng, theo dõi, giúp đỡ và phấn đấu hàng năm phát triển ít nhất 01 đảng viên nhằm nâng cao chất lượng hoạt động của chi bộ.

+ Từ tháng 6/2019, nhà trường tăng cường phối hợp với địa phương tham gia đầy đủ các hoạt động cộng đồng, các hội thi do Phường 18, Quận 4 tổ chức.

+ Hiệu trưởng có kế hoạch tham mưu với lãnh đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 4 về công tác tuyển sinh lớp 6, phân bổ học sinh trong các lớp đều nhau nhằm đảm bảo số học sinh trong mỗi lớp theo đúng quy định của Điều lệ Trường Trung học.

+ Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ và có biên bản kiểm tra hàng tháng công tác văn thư, kế toán thực hiện báo cáo đúng thời gian quy định nhằm tránh ảnh hưởng đến hiệu quả công việc chung. Tiếp tục thực hiện tốt công tác quản lý tài chính, tài sản đúng mục đích để phục vụ các hoạt động giáo dục. Đồng thời chỉ đạo kế toán xây dựng kế hoạch trung hạn 03 năm, dài hạn 05 năm để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường.

+ Trong các buổi họp giao ban hàng tháng, Cán bộ quản lý, Ban chấp hành Công đoàn, đảng viên cùng các tổ trưởng tăng cường công tác vận động, tuyên truyền để giúp giáo viên, nhân viên tự tin hơn trong việc góp ý xây dựng kế hoạch hoạt động của nhà trường.

****Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh***

+ Cán bộ quản lý nhà trường luôn phát huy vai trò trách nhiệm cao và gương mẫu trong thực hiện nhiệm vụ, tạo uy tín và lòng tin trong tập thể nhà trường.

+ Hiệu trưởng đã khuyến khích và tạo điều kiện về thời gian để giáo viên nhân viên theo học các lớp nâng cao kỹ năng nghiệp vụ.

****Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học***

+ Cán bộ quản lý xây dựng kế hoạch bố trí sân bãi phù hợp điều kiện thực tế của trường để khai thác tối đa diện tích sân trường phục vụ cho hoạt động luyện tập thể thao. Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch tổ chức làm đồ dùng dạy học hàng năm và chỉ đạo giáo viên dạy thể dục sử dụng hiệu quả các thiết bị dạy học nhằm phát triển thể lực tốt cho học sinh.

+ Nhà trường đã lập dự toán và xin kinh phí, sửa chữa, thay mới, sơn, sửa toàn bộ trường những hạn mục cần thiết do trường được xây dựng từ 2010 đến nay.

+ Hàng năm, Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch rà soát, bổ sung các thiết bị dạy học, sách tham khảo và chỉ đạo nhân viên thư viện - thiết bị phối hợp với giáo viên kiểm kê các thiết bị và đồ dùng dạy học để kịp thời bổ sung những thiết bị hư, thiếu, đồng thời đề xuất thanh lý các thiết bị không còn sử dụng.

+ Nhà trường có kế hoạch thực hiện chuyên đề về văn hóa đọc nâng cao chất lượng các hoạt động của thư viện.

****Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội***

+ Hiệu trưởng thực hiện kế hoạch công khai trên bảng tin và trang Web trường để Ban đại diện cha mẹ học sinh các lớp nắm bắt tốt việc tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh để phối hợp cùng gia đình giáo dục học sinh tốt hơn.

****Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục***

+ Hiệu trưởng đã phân công Tổng phụ trách đưa các thông tin hoạt động giáo dục của nhà trường qua bảng niêm yết trước cổng trường và trên trang web điện tử của trường cho cộng đồng dân cư trong địa bàn phường biết.

+ Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường tăng cường chỉ đạo giáo viên tích cực vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực nhằm phát huy tối đa tính tích cực, chủ động với từng đối tượng học sinh; tạo điều kiện thuận lợi để giáo viên tham gia các hoạt động bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; tăng cường dự giờ, thăm lớp để giúp giáo viên mạnh dạn đổi mới trong hoạt động chuyên môn thông qua các buổi chuyên đề, thao giảng, các lớp bồi dưỡng, học tập của ngành.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC (theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 7, khoản 2, 3 Điều 9, khoản 2, 3 Điều 11 của Thông tư)

1. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước:

a) Kết quả tuyển sinh; tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối; số lượng học sinh học 02 buổi/ngày; số lượng học sinh nam/học sinh nữ, học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật; số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường:

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
1	Kết quả tuyển sinh năm học 2023 - 2024	245	245	0	0	0
2	Số học sinh	797	234	219	166	178
3	Số lớp	21	6	6	5	4
4	Sĩ số bình quân	38	39	36.5	33.5	44.5
5	Số học sinh học 2 buổi/ngày	797	234	219	166	178
6	Số HS nữ	385	107	104	81	93
7	Số HS dân tộc	27	11	5	4	7
8	Số HS khuyết tật	8	2	4	1	1
9	Số lượng học sinh chuyển trường đi	12	5	5	1	1
10	Số học sinh tiếp nhận học sinh học tại trường	45	14	16	8	7

b) Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp:

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo Hạnh Kiểm/Rèn luyện	797	234	219	166	178
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	736/ 92.34%	221/ 94.44%	195/ 89.04%	153/ 92.17%	167/ 93.82%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	57/ 7.15%	13/ 5.56%	21/ 9.59%	13/ 7.83%	10/ 5.62%

3	Đạt/Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	04/ 0.51%	00/ 0.00%	03/ 1.37%	00/ 0.00%	01/ 0.56%
4	Chưa đạt/Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	00/ 0.00%	00/ 0.00%	00/ 0.00%	00/ 0.00%	00/ 0.00%
II	Số học sinh chia theo Học Lực/Học tập	797	234	219	166	178
1	Tốt/Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	325/ 40.78%	103/ 44.02%	75/ 34.24%	57/ 34.34%	90/ 50.56%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	308/ 38.65%	93/ 39.74%	86/ 39.27%	66/ 39.76%	63/ 35.39%
3	Đạt/Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	156/ 19.57%	34/ 14.53%	54/ 24.66%	43/ 25.9%	25/ 14.04%
4	Chưa đạt/Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	08/ 1.00%	04/ 1.71%	04/ 1.83%	00/ 0.00%	00/ 0.00%
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	00/ 0.00%	00/ 0.00%	00/ 0.00%	00/ 0.00%	00/ 0.00%
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	797	234	219	166	178
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	789/ 99.00%	230/ 98.29%	215/ 98.17%	166/ 100%	178/ 100%
a	Học sinh xuất sắc (tỷ lệ so với tổng số)	67/ 8.41%	32/ 13.68%	19/ 8.68%	16/ 9.64%	/
b	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	256/ 32.12%	69/ 29.49%	56/ 25.57%	41/ 24.7%	90/ 50.56%
c	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	63/ 7.91%	/	/	/	63/ 35.39%
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	08/ 1.00%	04/ 1.71%	04/ 1.83%	00/ 0.00%	00/ 0.00%
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	00/ 0.00%	00/ 0.00%	00/ 0.00%	00/ 0.00%	00/ 0.00%
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	5/45	2/14	1/16	0/8	2/7
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	00/ 0.00%	00/ 0.00%	00/ 0.00%	00/ 0.00%	00/ 0.00%

6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	00/ 0.00%	00/ 0.00%	00/ 0.00%	00/ 0.00%	00/ 0.00%
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi	84	15	21	15	33
1	Cấp Quận	78	15	21	15	27
2	Cấp Thành phố	6	0	0	0	6
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0	0	0	0	0
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	178	0	0	0	178
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	178	0	0	0	178
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	90/ 50.56%	0	0	0	90/ 50.56%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	63/ 35.39%	0	0	0	63/ 35.39%
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)	25/ 14.04%	0	0	0	25/ 14.04%
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	412/385	127/107	115/104	85/81	85/93
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	27	11	05	04	07

2. Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp thực hiện công khai thêm nội dung: số lượng học sinh đang học (chia theo số lượng học sinh là người Việt Nam, số lượng học sinh là người nước ngoài).

- Không có.

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH (theo quy định tại khoản 1, 3, 4 Điều 5 của Thông tư)

1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

a. Các khoản thu phân theo:

Nguồn kinh phí (ngân sách nhà nước, hỗ trợ của nhà đầu tư; học phí, lệ phí và các khoản thu khác từ người học; kinh phí tài trợ và hợp đồng với bên ngoài; nguồn thu khác) và loại hoạt động (giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ; hoạt động khác);

a1. Nguồn kinh phí năm 2024 (tính đến ngày 30/6/2024)

a1.1. *Kinh phí Ngân sách (dự toán NSNN giao năm 2024 theo Quyết định số 2128/QĐ-UBND-TH ngày 28/12/2024 là:* 15.417.641.000 đồng, trong đó:

- Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ: 6.578.700.000 đồng;
- Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương và nghị quyết: 6.406.294.000 đồng;
- Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ: 2.432.647.000 đồng;

a1.2. *Kinh phí sự nghiệp:* 3.575.357.678 đồng, gồm:

- Nguồn thu theo thỏa thuận: 2.275.600.000 đồng;
- Nguồn thu hộ chi hộ: 1.299.757.678 đồng

b. Các khoản chi phân theo:

b1. Nguồn kinh phí năm 2024 (tính đến ngày 30/6/2024)

- Chi tiền lương, các phụ cấp theo lương, các khoản đóng góp (BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ): 2.749.302.611 đồng;

- Chi thu nhập tăng thêm (Quý 1+ 2/2024): 1.380.769.387 đồng;

- Chi cơ sở vật chất và dịch vụ (chi mua sắm, duy tu sửa chữa, bảo dưỡng và vận hành cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuê mướn các dịch vụ phục vụ trực tiếp cho hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu, phát triển đội ngũ,...): 234.801.274 đồng.

- Chi hỗ trợ người học (học bổng, trợ cấp, hỗ trợ sinh hoạt, hoạt động phong trào, thi đua, khen thưởng,...): Không có

- Chi khác: 2.700.000 đồng

b2. Nguồn chi sự nghiệp:

- Nguồn thu theo thỏa thuận: 1.976.135.067 đồng;

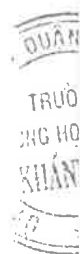
- Nguồn thu hộ chi hộ: 1.515.886.954 đồng

2. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học.

Thực hiện Nghị quyết số 04/2023/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 của Hội đồng nhân dân thành phố, trong đó có nội dung về chính sách miễn giảm và hỗ trợ cho học sinh khó khăn. Theo đó, năm học thực hiện là 155.000.000 đồng;

3. Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù.

Số dư tính đến ngày 30/6/2024, như sau:



- Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ: 3.583.190.767 đồng;
- Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương và nghị quyết: 4.574.348.211 đồng;
- Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ: 2.403.679.756 đồng;
- Nguồn sự nghiệp: 419.381.688 đồng;
- TK giao dịch ngân hàng: 108.288.735 đồng;
- Tiền mặt: 0 đồng.

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Kết quả đạt được qua các phong trào, hội thi các cấp:

- Chuyên môn:

↓ Cấp Thành Phố:

+ Thi Nghiên cứu khoa học: Trường đạt 01 Giải Nhì (02 HS – Nguyễn Ngọc Bảo Vy lớp 9A2 và Trần Trương Nguyễn Phương Trân lớp 9A3)

+ Thi học sinh giỏi cấp Thành Phố: Trường đạt 04 Giải

01 Giải Nhì Lớn lên cùng sách, 01 Giải Ba môn Ngữ văn (HS Nguyễn Ngọc Bảo Vy lớp 9A2).

01 Giải Nhì môn Công Nghệ (HS Đỗ Khánh Linh lớp 9A3)

01 Giải Ba môn Công nghệ (HS Đặng Huỳnh Uyển Xuân lớp 9A2)

↓ Cấp Quận:

+ Thi học sinh giỏi Khối 9, trường có 20 HS đạt giải, trong đó: 01 giải Nhất, 07 giải Nhì, 05 giải Ba và 07 công nhận HSG.

+ Thi Học sinh giỏi Khối 6,7,8 trường có 45 HS đạt giải, trong đó: 02 giải Nhất, 22 giải Nhì, 21 giải Ba

+ Thi Lớn lên cùng sách đạt 01 giải Nhì và 01 giải KK.

+ Thi Văn hay chữ tốt đạt 01 giải Nhì và 01 giải KK.

+ Thi Tin học trẻ cấp Quận: 01 giải Nhất, 01 giải III, 01 giải KK

+ Thi vẽ tranh cấp Quận: 01 giải Nhì, 01 giải KK

Hoạt động phong trào:

Thầy và Trò nhà trường đã tham gia nhiều hoạt động do quận và ngành tổ chức và luôn đạt thứ hạng cao.

- Giải B khéo tay hay làm cấp TP.
- Giải B trưng bày mâm cỗ Trung thu cấp TP.
- Giải KK Hội thi Tên lửa nước cấp Quận.
- Giải Ba Hội thi Nghị thức Đội cấp Quận.

- Đạt 01 giải Nhất, 01 giải Ba và 01 giải KK Hội thi Tin học trẻ cấp Quận và 03 HS bạn tham gia vòng Chung kết cấp TP.

- Đạt 01 giải Nhì và 01 giải KK Hội thi Nét xẽ Xanh cấp Quận.

- Em Nguyễn Ngọc Bảo Vy lớp 9A2 vào vòng Chung kết Hội thi MC học đường cấp Quận.

- Thông qua các tổ chức Đoàn, Đội, ngày 15/3/2024 nhà trường đã tổ chức cho các em sinh tham quan học tập hoạt khóa, tham quan học tập tại Làng Việt Đại Nam “Chương trình giáo dục học đường”.

- Tham gia giải thể thao cấp Thành phố, Quận, trường đạt kết quả tang so với năm học trước, cũ thể, trường đạt được 18 huy chương Vàng, 16 huy chương Bạc, 21 huy chương Đồng.

2. Những kết quả nổi bật đã đạt được

- Trường thực hiện tốt về công tác đảm bảo an toàn trường học.

- Kế hoạch nhà trường, chương trình nhà trường đã được tổ chức lấy ý kiến trong phụ huynh để đăng ký cho con em tham gia trên tinh thần tự nguyện và thực hiện công khai chi tiết các loại hình học tập, thời khóa biểu đến cha mẹ học sinh.

- Do thực hiện tốt công tác truyền thông, thông tin kịp thời, cụ thể, chi tiết, đặc biệt là tổ chức họp lấy ý kiến từng phụ huynh trong buổi họp đầu năm về các khoản thu theo Nghị quyết 04 của Hội đồng nhân dân Thành phố nên tất cả phụ huynh đều đồng thuận với các mức thu, khoản thu của nhà trường.

- Trường đã sắp xếp bố trí được đầy đủ các phòng bộ môn theo quy định, khối phòng hỗ trợ học tập, phòng hành chính quản trị, khối phụ trợ đảm bảo thực hiện hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

- 100% học sinh đều có đầy đủ sách giáo khoa, sách tiếng Anh và dụng cụ học tập cần thiết.

- 100% đội ngũ CBQL, giáo viên đều được tập huấn sách giáo khoa để triển khai thực hiện CTGDPT 2018.

- Giáo viên đảm bảo và thực hiện tốt nội dung chương trình, kế hoạch bài dạy theo đúng kế hoạch đã đề ra.

- Các chuyên đề của Sở, Phòng GD&ĐT đều được nhà trường tổ chức triển khai lại tại trường cho tất cả giáo viên.

- Đề kiểm tra của các khối có sự đầu tư về nội dung và hình thức, những thiếu sót không đáng có cũng đã giảm nhiều. Công tác tổ chức coi, chấm kiểm tra và đánh giá đề kiểm tra được thực hiện nghiêm túc theo hướng dẫn chỉ đạo.

3. Một số hạn chế, khó khăn và nguyên nhân

- Về hoàn cảnh học sinh: Trường nằm trên địa bàn dân cư có cuộc sống kinh tế tương đối, nhiều gia đình lao động nghèo, khó khăn về kinh tế nên việc thực hiện chủ trương xã hội hóa giáo dục, đổi mới toàn diện nhà trường theo hướng hiện đại,... cũng còn nhiều hạn chế. Nhiều học sinh có hoàn cảnh khó khăn, mồ côi cha mẹ nên thiếu tình thương, thiếu sự quan tâm, chăm sóc và sự phối hợp với nhà trường.

- Về tài chính: Nguồn thu sự nghiệp từ các loại hình học tiếng Anh, Tin học,... rất hạn chế. Trong khi đó, trường phải tự chi trả cho các nhân viên bảo vệ và phục vụ từ nguồn thu sự nghiệp do từ năm 2024 ngân sách không cấp cho các đối tượng này.

- Về các khoản thu: Trường có học sinh thuộc diện nghèo, cận nghèo có hoàn cảnh khó khăn được miễn không đóng tất cả các khoản tiền học theo hướng dẫn Nghị quyết 04 của HĐND.TP nên ảnh hưởng đến nguồn thu của trường.

Trên đây là Báo cáo thường niên trong năm 2024 của Trường Trung học cơ sở Khánh Hội theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân. Nay nhà trường báo cáo công khai trên website nhà trường, bản tin nhà trường và trong cuộc họp CB-VC-NLĐ nhà trường để các cấp quản lý, CB-VC-NLĐ cha mẹ học sinh, học sinh nhà trường và nhân dân trên địa bàn được biết./.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT Quận 4;
- Đảng ủy Phường 18;
- CB-GV-NV nhà trường;
- Ban đại diện CMHS;
- Lưu: VT.



HIỆU TRƯỞNG

Lê Trường Chinh